CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tôn Đông Á

Ngày 31/12/2025	16,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-9.0%	**-9.6%**	**4.4%**

DT thuần
Q4/25
3,397
tỷ VNĐ
QoQ: ▼283| -7.7%
YoY: ▼491| -12.6%

LN thuần
Q4/25
64.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼40.0| -38.5%
YoY: ▲ 68.1| 1649%

LN sau thuế
Q4/25
36.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼48.4| -57.0%
YoY: ▲ 15.3| 71.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
4.1%
YoY: +/-▲ 0.6%

ROE
2025
7.0%
YoY: +/-▼ 2.2%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,997 - 19,922
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,400
Số lượng CPLH (CP)	149,098,851
KLGD BQ 20 phiên (CP)	120,135
Sở hữu nước ngoài	18.3%
Beta	0.93
EPS	1,823
P/E	8.8

DT thuần
2025
15,310
tỷ VNĐ
YoY: ▼3,826| -20.0%

LN thuần
2025
355
tỷ VNĐ
YoY: ▼38.0| -9.8%

LN sau thuế
2025
272
tỷ VNĐ
YoY: ▼70.0| -20.4%

Cơ cấu sở hữu

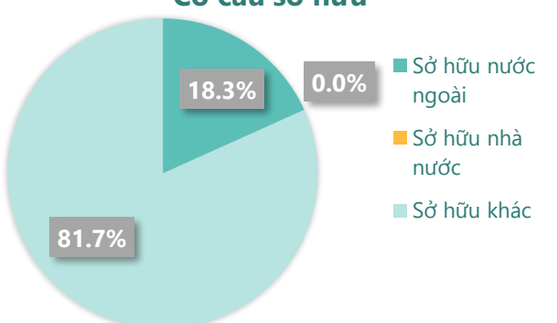

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

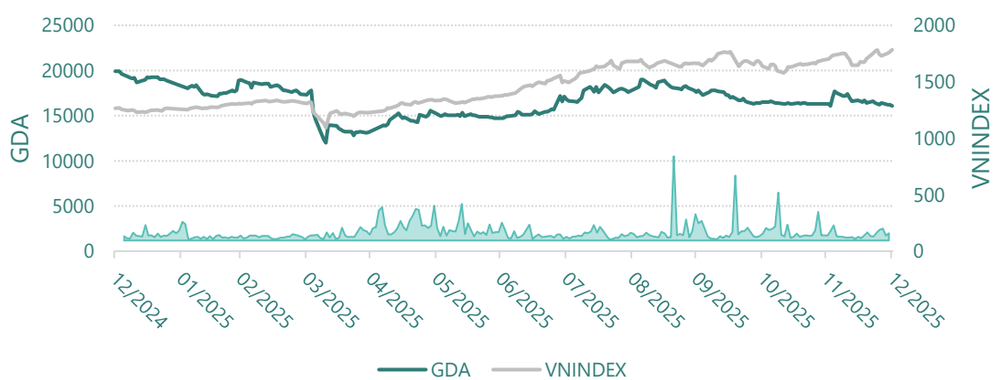

Cơ cấu cổ đông

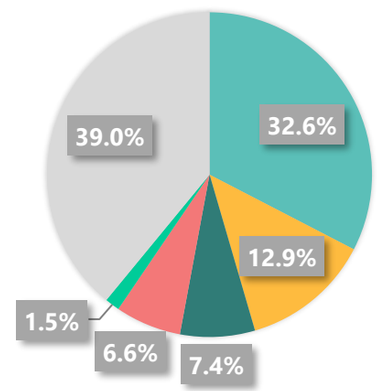

- Nguyễn Thanh Trung (Chủ tịch HĐQT)
- Lê Thị Phương Loan (Thành viên HĐQT)
- Công ty TNHH Thương mại JFE Shoji Việt Nam
- Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thanh Quỳnh An
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

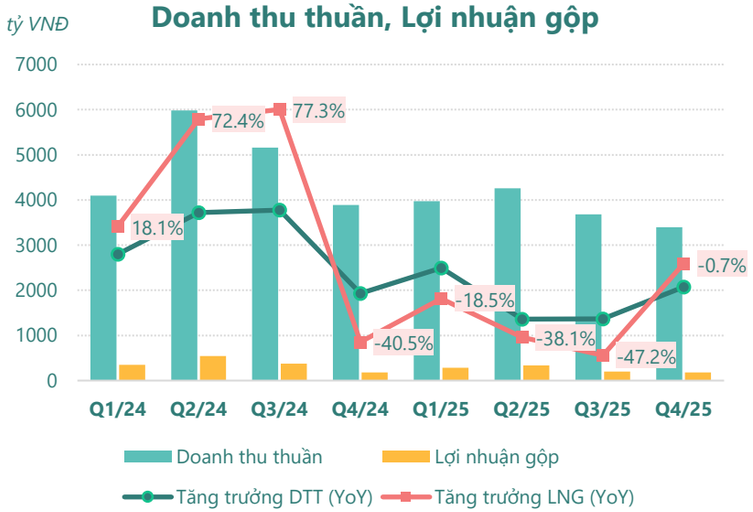

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

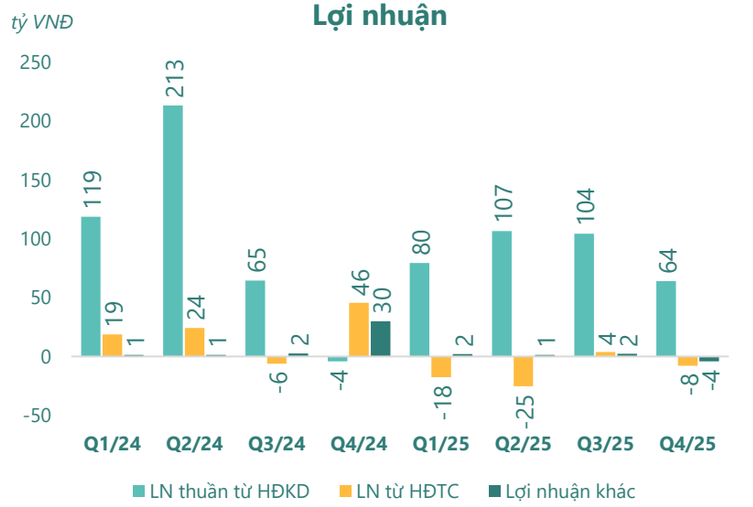

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

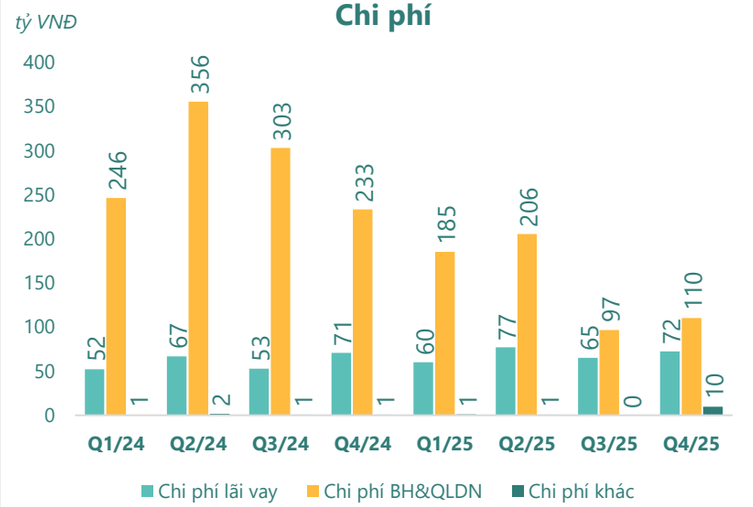

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

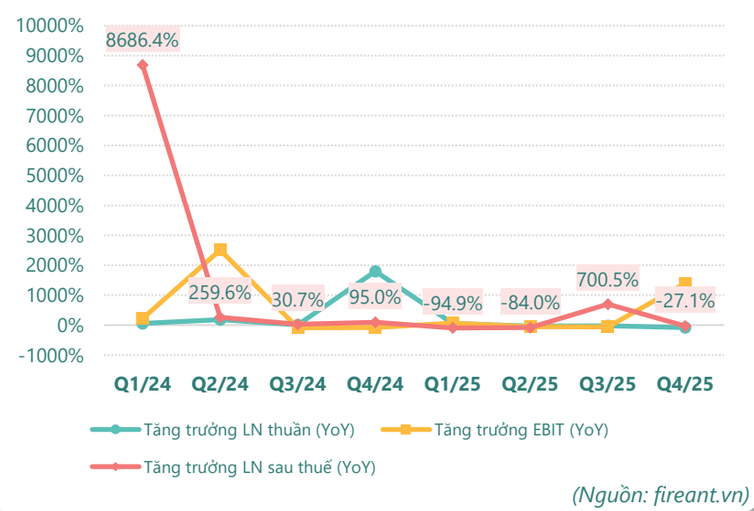

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

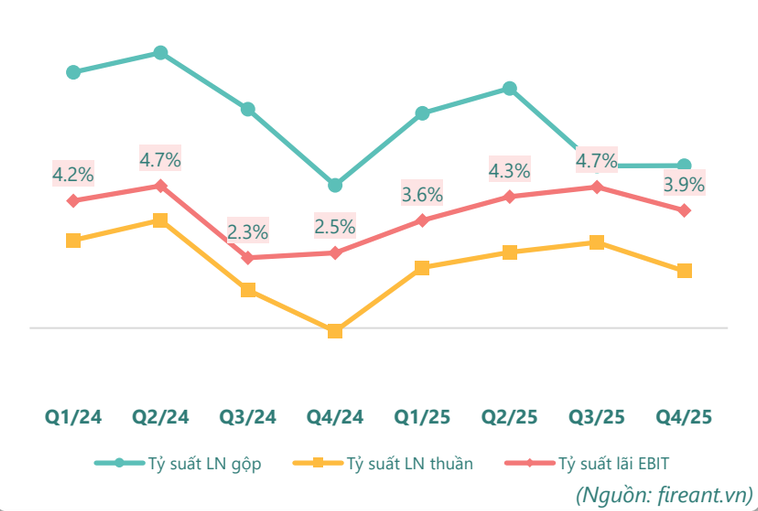

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

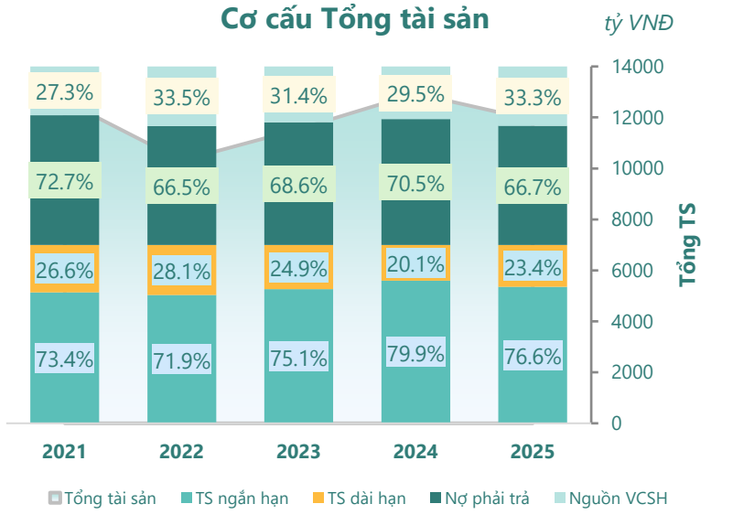

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

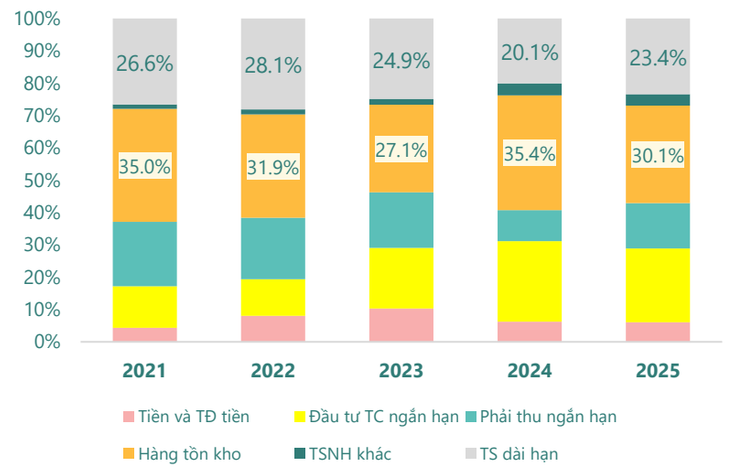

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

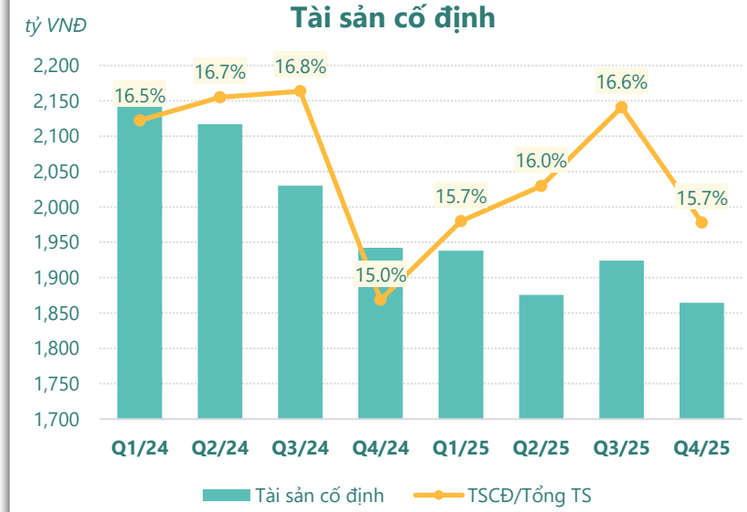

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

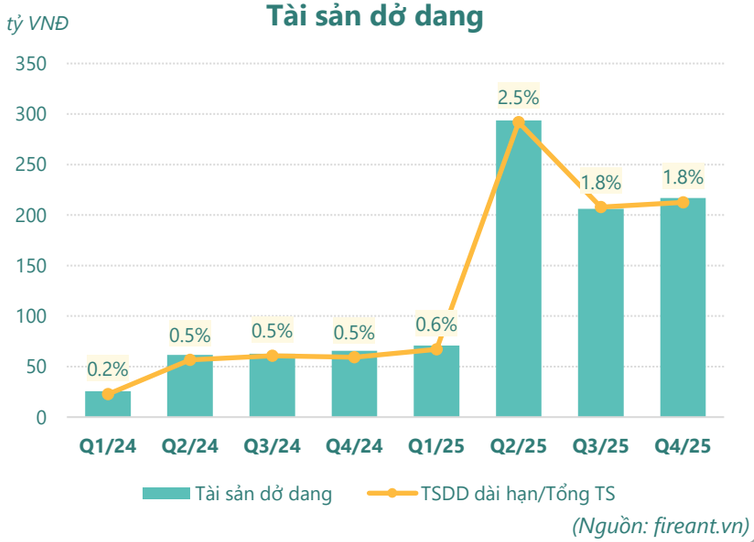

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

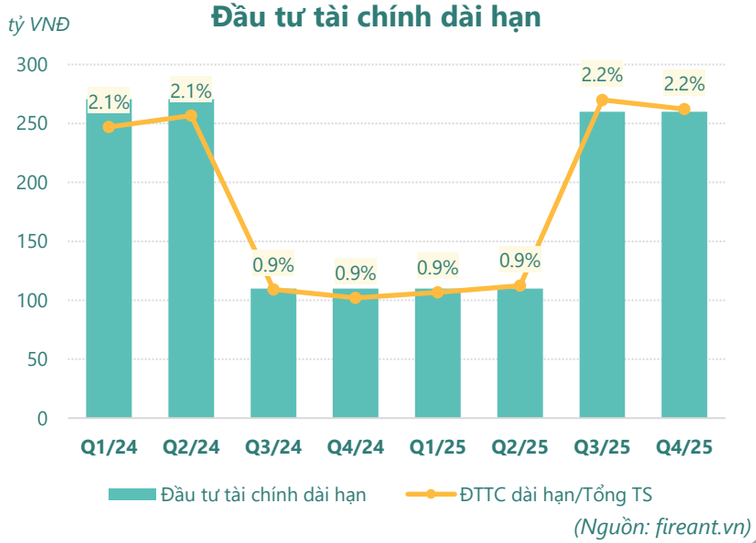

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

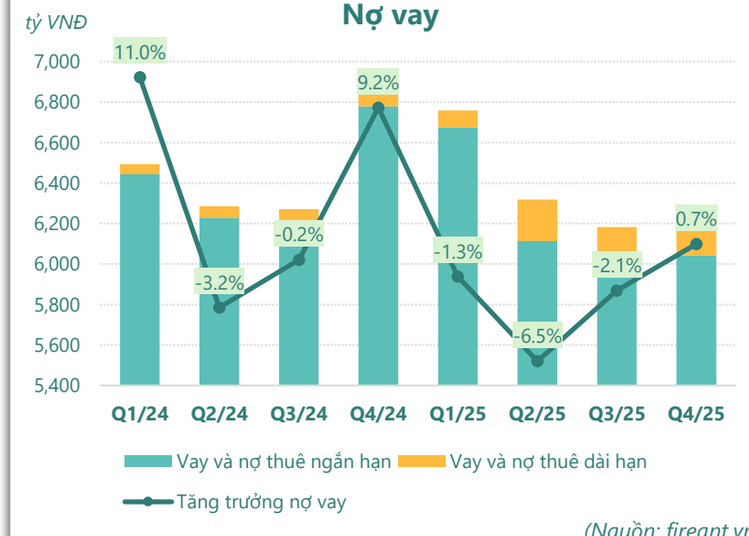

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

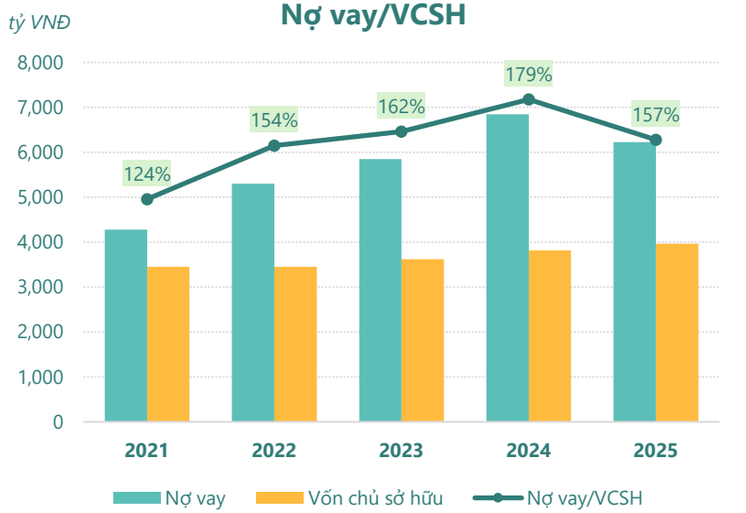

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

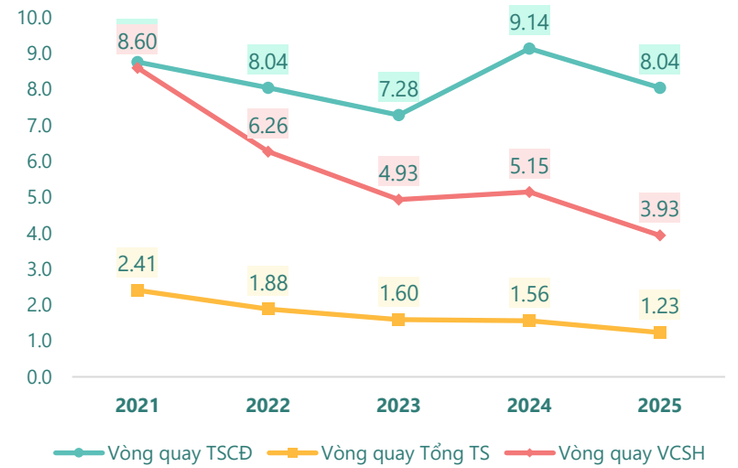

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

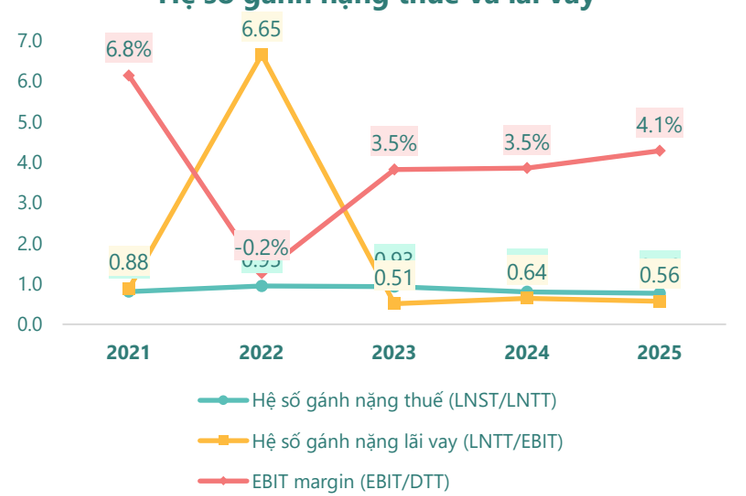

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

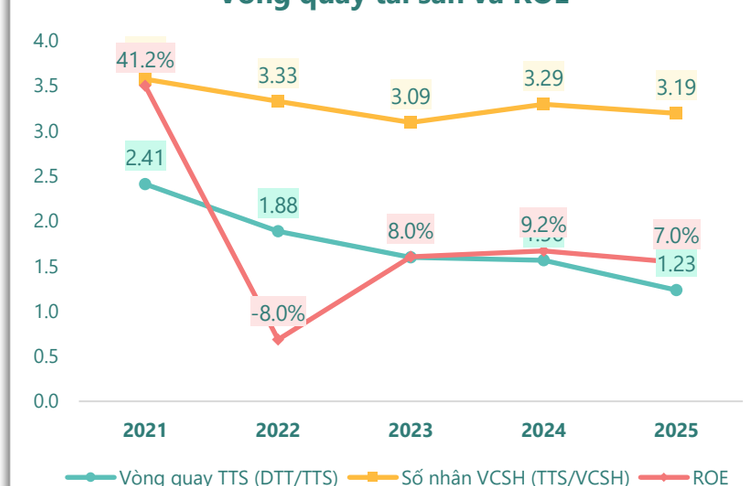

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

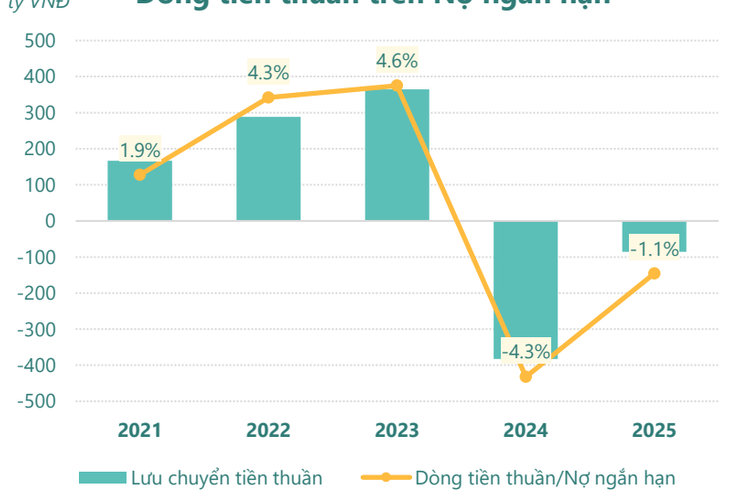

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3,397**	**3,888**	**-12.6%**	**15,310**	**19,136**	**-20.0%**
Giá vốn hàng bán	3,214	3,704	-13.2%	14,311	17,687	-19.1%
Lợi nhuận gộp	182	184	-0.9%	1,000	1,449	-31.0%
Doanh thu HĐTC	68.8	138	-50.1%	320	436	-26.6%
Chi phí TC	76.7	92.7	-17.2%	367	354	3.8%
Chi phí lãi vay	72.3	70.7	2.3%	274	243	13.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	75.8	192	-60.5%	482	1,027	-53.1%
Chi phí QLDN	**34.6**	**41.9**	**-17.4%**	**116**	**111**	**4.3%**
LN thuần từ HĐKD	64.0	-4.13	1649%	355	393	-9.8%
Lợi nhuận khác	**-4.27**	**30.1**	**-114%**	**1.31**	**35.1**	**-96.3%**
LN trước thuế	59.7	25.9	131%	356	428	-16.9%
Lợi nhuận sau thuế	**36.6**	**21.3**	**71.6%**	**272**	**342**	**-20.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**36.5**	**21.3**	**71.2%**	**272**	**342**	**-20.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-144	-88.1	-338	590	399	-148
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	63.0	-312	420	-235	-241	239
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.58	432	-95.5	-634	-111	70.3
Tiền đầu kỳ	854	779	811	797	517	564
Lưu chuyển tiền thuần	**-75.7**	**31.8**	**-13.9**	**-280**	**46.8**	**161**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.72	0.26	0	-0.07	0.18	-0.37
Tiền cuối kỳ	779	811	797	517	564	725

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**11,901**	**12,939**	**-8.0%**
Tài sản ngắn hạn	9,110	10,338	-11.9%
Tiền và tương đương tiền	725	811	-10.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,709	3,222	-15.9%
Phải thu ngắn hạn	1,676	1,242	34.9%
Hàng tồn kho	3,582	4,585	-21.9%
Tài sản ngắn hạn khác	418	479	-12.8%
Tài sản dài hạn	**2,790**	**2,601**	**7.3%**
Phải thu dài hạn	11.5	13.5	-15.1%
Tài sản cố định	1,864	1,942	-4.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	217	65.7	230%
Đầu tư tài chính dài hạn	260	110	136%
Tài sản dài hạn khác	**431**	**461**	**-6.6%**
Lợi thế thương mại	6.91	7.78	-11.2%
Nợ phải trả	7,934	9,124	-13.0%
Nợ ngắn hạn	**7,747**	**9,002**	**-13.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6,042	6,779	-10.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,413	1,843	-23.3%
Nợ dài hạn	186	122	52.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	186	66.6	180%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,967**	**3,815**	**4.0%**
Vốn chủ sở hữu	**3,967**	**3,815**	**4.0%**
Vốn điều lệ	1,491	1,147	30.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)